

Số: /2023/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí
sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương,

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Công Thương quản lý (sau đây gọi chung là nhiệm vụ).

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Công Thương quản lý.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhiệm vụ bảo vệ môi trường* là nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Công Thương quản lý, bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư.

2. *Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu* là nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Công Thương quản lý, bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư.

3. *Kế hoạch bảo vệ môi trường* là tập hợp các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nhằm giải quyết một hoặc một số vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

4. *Kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu* là tập hợp các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm giải quyết một hoặc một số vấn đề liên quan đến công tác ứng phó với biến đổi khí hậu ngành Công Thương.

5. *Cơ quan quản lý nhiệm vụ*: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là cơ quan quản lý các nhiệm vụ, kế hoạch bảo vệ môi trường ngành Công Thương, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững là cơ quan quản lý các nhiệm vụ, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu ngành Công Thương.

7. *Cơ quan chủ trì thực hiện* là đơn vị có đủ năng lực được Bộ Công Thương giao thực hiện hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Các nhiệm vụ của ngành Công Thương

Các nhiệm vụ phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương và phù hợp với quy định hiện hành, bao gồm:

1. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường

Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nhằm tổ chức và thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Xây dựng và đề xuất các chính sách của ngành Công Thương nhằm triển khai và thực hiện các chương trình, dự án, đề án, cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền giao cho Bộ Công Thương chủ trì.

b) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường ngành Công Thương; Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương; Công tác kiểm tra việc thực hiện văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Công Thương.

c) Xây dựng và ban hành tài liệu, sổ tay hướng dẫn quản lý chất thải, kiểm toán chất thải, quản lý môi trường, ứng phó sự cố môi trường, thực hiện các nội

dung về kinh tế tuần hoàn theo quy định của pháp luật trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

d) Thực hiện chương trình đánh giá chất lượng môi trường, điều tra đánh giá tác động của các nguồn thải, xây dựng các giải pháp quản lý môi trường tại các trung tâm năng lượng, cụm công nghiệp, khu công nghiệp tập trung, các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

đ) Điều tra, khảo sát, đánh giá, xây dựng hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do rò rỉ, phát tán hóa chất độc trong lĩnh vực công nghiệp.

e) Điều tra, khảo sát, đánh giá, phân loại chất thải và xây dựng chính sách, quy định, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về tái sử dụng, tái chế và sử dụng chất thải làm nguyên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

g) Điều tra, khảo sát, đánh giá các chất POP sử dụng trong các ngành công nghiệp; kiểm kê phát thải UPOP từ các ngành công nghiệp; áp dụng các biện pháp giảm thiểu, thay thế và giảm phát thải, tái sử dụng, tái chế chất thải, bảo vệ môi trường đối với chất POP và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất POP.

h) Truyền thông, tập huấn, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; quảng bá, thông tin về các công nghệ thân thiện môi trường, thị trường sản phẩm, hàng hóa môi trường.

i) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường (nếu có) và các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

k) Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do các cấp có thẩm quyền, Bộ trưởng Bộ Công Thương giao (nếu có).

2. Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu

Các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm tổ chức và thực hiện các quy định của pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Xây dựng và đề xuất các chính sách triển khai các chương trình, dự án, đề án, cơ chế, chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền giao cho Bộ Công Thương chủ trì thực hiện.

b) Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động, kiểm kê phát thải khí nhà kính, đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính cấp ngành và cơ sở, cập nhật,

lập danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính; xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; xây dựng, cập nhật hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính quốc gia trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương.

c) Xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp ngành, lĩnh vực và cơ sở; xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, ngành; xây dựng báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực, ngành do Bộ Công Thương quản lý.

d) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Công Thương; xây dựng báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Công Thương và công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

đ) Xây dựng, cập nhật, sửa đổi và ban hành tài liệu, sổ tay hướng dẫn kiểm kê phát thải khí nhà kính, hướng dẫn hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm tra kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, hướng dẫn tham gia thị trường tín chỉ carbon trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

e) Truyền thông, tập huấn, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu; thông tin về các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phát thải khí nhà kính thấp, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

g) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu (nếu có) và các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do các cấp có thẩm quyền, Bộ trưởng Bộ Công Thương giao (nếu có).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục I. Xây dựng kế hoạch

Điều 4. Đăng ký và tổng hợp kế hoạch bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Trong Quý I hàng năm, căn cứ vào yêu cầu quản lý, chiến lược, chương trình mục tiêu, kế hoạch bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của quốc gia và của ngành, Cơ quan quản lý nhiệm vụ trình Bộ Công Thương ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị đăng ký nhiệm vụ cho năm tiếp theo. Nội dung hướng dẫn được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

2. Hồ sơ đăng ký nhiệm vụ gồm:

a) Văn bản đề xuất nhiệm vụ cấp Bộ;

b) Danh mục tổng hợp đề xuất nhiệm vụ sắp xếp theo thứ tự ưu tiên theo mẫu B1a-ĐXNV;

c) Thuyết minh đề cương nhiệm vụ theo mẫu B1b-TMMT (đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này) và theo mẫu B1c-TMBĐKH (đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này).

Số lượng hồ sơ bao gồm 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) đóng thành 01 tập, trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001).

3. Gửi Hồ sơ đăng ký nhiệm vụ

Tổ chức, cá nhân có thể gửi Hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp hoặc qua mạng thông tin điện tử về Cơ quan quản lý nhiệm vụ như sau:

a) Đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, hồ sơ gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp - Bộ Công Thương. Thư điện tử: CucATMT@moit.gov.vn.

b) Đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này, hồ sơ gửi về Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững - Bộ Công Thương. Thư điện tử: EESDVietnam@moit.gov.vn.

Hồ sơ gửi qua mạng thông tin điện tử gồm bản scan bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp), thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Căn cứ các quy định hiện hành, các văn bản hướng dẫn và hồ sơ đăng ký nhiệm vụ của các đơn vị, Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổng hợp danh mục nhiệm vụ, rà soát sơ bộ, lựa chọn các nhiệm vụ đáp ứng các điều kiện về sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và trình Bộ Công Thương thành lập Hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ.

5. Hoạt động của Hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ

a) Hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ có ít nhất 07 thành viên gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thư ký và các Ủy viên là đại diện đơn vị trực thuộc Bộ và các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của nhiệm vụ.

b) Hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ có trách nhiệm: Tư vấn giúp Cơ quan quản lý nhiệm vụ, Bộ Công Thương xác định, lựa chọn các đề xuất cần thực hiện; Đánh giá, kiến nghị sơ bộ về phạm vi, mục tiêu, nội dung thực hiện, kết quả dự kiến, kế hoạch thực hiện và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Nguyên tắc và trình tự làm việc của Hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ

- Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, tính chính xác đối với những ý kiến tư vấn độc lập và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và Ủy viên thư ký;

- Hội đồng nhận xét, đánh giá dựa trên hồ sơ nhận được. Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp. Trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì Phó chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp. Các thành viên Hội đồng tham gia phiên họp có trách nhiệm viết phiếu đánh giá theo mẫu B2a-ĐGDĐX;

- Thư ký Hội đồng có trách nhiệm lập biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu B2b-BBXC.

6. Phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ

Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng, Cơ quan quản lý nhiệm vụ phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện hoàn thiện đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì, phối hợp với Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững hoàn thiện kế hoạch bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Công Thương, trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Bộ Công Thương và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính theo quy định.

Mục II. Thực hiện kế hoạch

Điều 5. Giao nhiệm vụ

1. Căn cứ ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính đối với kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, Cơ quan quản lý nhiệm vụ phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch, đề cương, dự toán thực hiện

nhiệm vụ và trình Bộ Công Thương phê duyệt Quyết định giao nhiệm vụ của năm kế hoạch. Việc phê duyệt được thực hiện trong tháng 12 của năm trước năm kế hoạch.

2. Căn cứ quyết định của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường cho Bộ Công Thương; Căn cứ quyết định của Bộ Công Thương giao nhiệm vụ của năm kế hoạch, Vụ Kế hoạch - Tài chính trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt và giao dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch

1. Căn cứ quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương giao nhiệm vụ, danh mục các nhiệm vụ thực hiện trong năm kế hoạch sẽ được đăng lên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

Các đơn vị được giao nhiệm vụ trong năm kế hoạch có trách nhiệm hoàn thiện đề cương và ký hợp đồng thực hiện.

Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ quy định tại biểu mẫu B3a-HĐMT (đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này) và biểu mẫu B3b-HĐBĐKH (đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này).

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi, điều chỉnh đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt, tùy thuộc mức độ điều chỉnh, các đơn vị thực hiện như sau:

a) Trường hợp thay đổi, điều chỉnh không ảnh hưởng tới các nội dung đã được phê duyệt trong quyết định giao nhiệm vụ, đơn vị chủ trì thực hiện gửi văn bản giải trình và thuyết minh đề cương điều chỉnh về Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, giải quyết. Đơn vị chủ trì thực hiện chỉ được thực hiện theo đề cương điều chỉnh khi được Cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt.

b) Trường hợp thay đổi, điều chỉnh ảnh hưởng tới các nội dung đã được phê duyệt trong Quyết định giao nhiệm vụ, đơn vị chủ trì thực hiện gửi văn bản giải trình về Cơ quan quản lý nhiệm vụ để tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương xem xét, quyết định. Đơn vị chủ trì thực hiện chỉ được thực hiện các nội dung điều chỉnh sau khi được Bộ Công Thương phê duyệt.

Điều 7. Báo cáo, kiểm tra giữa kỳ việc thực hiện nhiệm vụ

1. Căn cứ tiến độ thực hiện Hợp đồng, đơn vị chủ trì thực hiện có trách nhiệm gửi báo cáo giữa kỳ về Cơ quan quản lý nhiệm vụ theo mẫu B4a-BCGK.

2. Căn cứ kết quả báo cáo của đơn vị, Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ. Hoạt động kiểm tra, đánh giá

đợt xuất được thực hiện trong trường hợp cần thiết. Biên bản kiểm tra giữa kỳ được quy định tại mẫu B4b-BBKT.

Mục III. Nghiệm thu và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ

Điều 8. Nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở

1. Các nhiệm vụ phải được đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện tại Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở.

2. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, sản phẩm đạt được theo đúng đề cương đã được phê duyệt.

Kết quả làm việc của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở được gửi kèm theo Hồ sơ đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ về Cơ quan quản lý nhiệm vụ.

3. Cơ quan chủ trì thực hiện nghiệm thu cấp cơ sở và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu.

Điều 9. Nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ

1. Việc đánh giá kết quả thực hiện ở cấp Bộ được thực hiện sau khi Cơ quan quản lý nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ của Cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với các nhiệm vụ quy định tại điểm b, điểm h khoản 1 Điều 3 Thông tư này, căn cứ tính chất, nội dung và yêu cầu sản phẩm của nhiệm vụ, Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét trình Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ hoặc xác nhận hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại mẫu B5a-XNNV.

3. Hồ sơ đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ gồm:

a) 01 Văn bản đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ của cơ quan chủ trì thực hiện;

b) 01 Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ;

c) Kết quả làm việc của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở (gồm Quyết định thành lập Hội đồng cấp cơ sở, 01 bộ phiếu đánh giá, ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng và biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở (Bản phô tô hoặc bản chụp);

d) Quyết định giao nhiệm vụ, thuyết minh đề cương được phê duyệt (Bản phô tô hoặc bản chụp);

đ) Các sản phẩm khác theo yêu cầu của Hợp đồng, đề cương và dự toán đã được phê duyệt.

4. Hoạt động của Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ

a) Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ do Bộ Công Thương quyết định thành lập gồm đại diện các cơ quan có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của nhiệm vụ.

b) Số lượng thành viên Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ có ít nhất 07 thành viên gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thư ký, Ủy viên phản biện (nếu cần thiết) và các Ủy viên là đại diện đơn vị trực thuộc Bộ và chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của nhiệm vụ.

c) Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ chỉ tiến hành họp khi có mặt từ 2/3 số thành viên trở lên trong đó có ít nhất 01 ủy viên phản biện (đối với Hội đồng có Ủy viên phản biện). Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp. Trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì Phó chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp. Các thành viên Hội đồng tham gia phiên họp có trách nhiệm viết phiếu đánh giá theo mẫu B5b-ĐGNT;

c) Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng hình thức bỏ phiếu theo một trong ba mức: “Thông qua”, “Thông qua có chỉnh sửa hoàn thiện sản phẩm” hoặc “Không thông qua”. Nhiệm vụ được đánh giá kết quả thực hiện ở mức “Không thông qua” trong trường hợp có ít hơn 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu đánh giá “Thông qua” hoặc “Thông qua có chỉnh sửa hoàn thiện sản phẩm”.

d) Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ được lập theo mẫu B5c-BBNT làm căn cứ nghiệm thu, thanh lý nhiệm vụ của đơn vị chủ trì thực hiện.

Điều 10. Giao nộp sản phẩm, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày họp Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ, cơ quan chủ trì thực hiện có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, sản phẩm của nhiệm vụ gửi về Cơ quan quản lý nhiệm vụ gồm:

a) Văn bản đề nghị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ kèm theo Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu hoàn thiện các sản phẩm của nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ.

b) 01 Bản in các sản phẩm chính của nhiệm vụ được đơn vị chủ trì ký, đóng dấu gồm: Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ và các sản phẩm phải giao nộp khác theo đề cương được phê duyệt (như Sổ tay, Hướng dẫn, Dự thảo chính sách...).

c) Bản file điện tử dạng PDF được quét (scan) từ Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ. Bản file điện tử dạng Microsoft Word các báo cáo tổng hợp, báo cáo chuyên đề và các sản phẩm khác theo hợp đồng và đề cương đã phê duyệt.

d) Đối với các nhiệm vụ có yêu cầu sản phẩm là thông tin, dữ liệu thì phải gửi file điện tử thông tin, dữ liệu đã được tổng hợp, xử lý.

2. Kết quả và sản phẩm của nhiệm vụ sau khi được giao nộp, nghiệm thu sẽ được tổ chức phổ biến, áp dụng tới các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ Công Thương theo quy định.

Mục IV. Thanh lý hợp đồng, quyết toán kinh phí

Điều 11. Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ Hồ sơ đề nghị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì thực hiện, việc thanh lý hợp đồng đã ký kết trong thời hạn 10 ngày được thực hiện kể từ ngày Cơ quan quản lý nhiệm vụ tiếp nhận đầy đủ sản phẩm đã được chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ.

Đối với các nhiệm vụ quy định tại điểm b, điểm h khoản 1 Điều 3 Thông tư này, văn bản xác nhận hoàn thành nhiệm vụ (nếu có) làm căn cứ nghiệm thu, thanh lý nhiệm vụ của cơ quan chủ trì thực hiện.

Biên bản thanh lý hợp đồng đối với các nhiệm vụ ký hợp đồng thực hiện theo mẫu B3a-HĐMT được quy định tại mẫu B6a-BBTLMT. Biên bản thanh lý hợp đồng đối với các nhiệm vụ ký hợp đồng thực hiện theo mẫu B3b-HĐBĐKH được quy định tại mẫu B6b-BBTLBĐKH.

Điều 12. Quyết toán kinh phí

1. Đối với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ là đơn vị dự toán trực thuộc Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì kiểm tra quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

2. Đối với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ không thuộc đơn vị dự toán trực thuộc Bộ (đơn vị nhận kinh phí thông qua tài khoản của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp), Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì kiểm tra quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đồng thời tổng hợp vào Báo cáo quyết toán của Cục trình Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các đơn vị xây dựng bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán theo mẫu B6c-QTMT.

3. Đối với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ không thuộc đơn vị dự toán trực thuộc Bộ (đơn vị nhận kinh phí thông qua tài khoản của Văn phòng Bộ Công Thương), Văn phòng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững kiểm tra quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, tổng hợp vào Báo cáo quyết toán của Văn phòng Bộ Công Thương trình Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân

sách nhà nước. Các đơn vị xây dựng bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán theo mẫu B6d-QTBĐKH.

4. Đối với các nhiệm vụ thực hiện nhiều năm, Cơ quan quản lý nhiệm vụ tiến hành nghiệm thu khối lượng từng năm. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được Hội đồng cấp Bộ nghiệm thu, đơn vị chủ trì thực hiện có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán kinh phí đã sử dụng trong năm và Báo cáo tổng hợp toàn bộ kinh phí nhiệm vụ đã thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

a) Đầu mối tổng hợp kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Công Thương quản lý;

b) Chủ trì quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định của Thông tư đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

c) Chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững

a) Chủ trì quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định của Thông tư đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

b) Phối hợp với Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp thực hiện điểm a khoản 1 Điều này;

c) Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

d) Phối hợp với Văn phòng Bộ Công Thương thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì kiểm tra quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đối với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ là đơn vị dự toán trực thuộc Bộ.

4. Cơ quan chủ trì thực hiện

a) Trực tiếp quản lý việc triển khai nhiệm vụ gồm: Giao nhiệm vụ, ký hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân phối hợp; trình Bộ Công Thương (qua Cơ quan quản lý nhiệm vụ) phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, sửa chữa, mua

sắc nguyên vật liệu, hóa chất, dụng cụ của nhiệm vụ; giám sát tiến độ, kiểm tra việc thực hiện và tổ chức nghiệm thu theo quy định;

b) Khi cần thiết, kiến nghị Bộ Công Thương điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện và cá nhân chủ trì nhiệm vụ.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Thông tư số 23/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC; TNMT; KHĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ATMT.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên